

## KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 17/01/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ và các Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020**

Thực hiện Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ và các Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020; Quyết định số 42/QĐ-BNN-KH ngày 02/01/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ. Để kịp thời triển khai thực hiện Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và PTNT và Kế hoạch của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện với các nội dung chủ yếu sau:

### I. BỐI CẢNH TÌNH HÌNH

Năm 2020 là năm có ý nghĩa quan trọng, diễn ra Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII; là năm kết thúc nhiệm kỳ và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, giai đoạn 2016-2020 và các Nghị quyết của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII và Nghị quyết của HĐND tỉnh. Ngành nông nghiệp và PTNT sẽ có nhiều cơ hội nhưng cũng đối diện với nhiều khó khăn, thách thức mới: chất lượng sản phẩm, đảm bảo an toàn sản phẩm còn thấp, nên năng lực cạnh tranh của sản phẩm còn hạn chế; thị trường tiêu thụ thiếu ổn định; lũ lụt, hạn hán, rét đậm, rét hại còn diễn biến phức tạp, khó lường; dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi ngày càng diễn biến phức tạp, trong đó dịch tả lợn châu Phi cần thời gian dài để xử lý, **dịch cúm Corona gây khó khăn cho kế hoạch tiêu thụ nông sản sang thị trường Trung Quốc**. Những yếu tố trên sẽ tác động mạnh đến sản xuất kinh doanh, đòi hỏi toàn ngành phải nỗ lực phấn đấu, tập trung nguồn lực, tận dụng thời cơ, vượt qua khó khăn, thách thức, thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch của UBND tỉnh và hoàn thành thắng lợi mục tiêu kế hoạch đề ra.

### II. MỤC TIÊU

Mục tiêu của kế hoạch ngành năm 2020 là tiếp tục thực hiện hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước, của Tỉnh ủy, của HĐND, UBND tỉnh về kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn. Tập trung thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng phát triển sản xuất chuyên canh thành vùng tập trung đối với các sản phẩm chủ lực và sản phẩm đặc trưng của tỉnh, gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và xây dựng nông thôn mới. Đây mạnh ứng dụng công nghệ cao, hội nhập quốc tế, thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới phồn vinh và văn minh.

***Các chỉ tiêu chính:***

- Tốc độ tăng GRDP ngành nông nghiệp dự kiến 3,2%;
- Giá trị sản xuất/ha đất sản xuất nông nghiệp: 110 triệu đồng;
- Tỷ lệ che phủ rừng (không tính diện tích cây ăn quả): 38%;
- Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt: 98%;
- Tỷ lệ xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới đạt: 67,2%;
- Số lượng sản phẩm đạt chuẩn theo bộ tiêu chí sản phẩm thuộc chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” - OCOP: 46 (sản phẩm)
- Tỷ lệ cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh nông lâm sản, thủy sản được cấp giấy chứng nhận ATTP: 93,0 %;
- Tỷ lệ diện tích rau an toàn sản xuất theo tiêu chuẩn VietGap: 37,3%;
- Tỷ lệ diện tích sản xuất thâm canh cây ăn quả theo tiêu chuẩn VietGap: 40,0%;
- Tỷ lệ diện tích thâm canh thủy sản theo tiêu chuẩn VietGap: 41,0 %;
- Tỷ lệ tổng đàn chăn nuôi lợn theo tiêu chuẩn VietGap: 43,0%;
- Tỷ lệ tổng đàn chăn nuôi gia cầm theo tiêu chuẩn VietGap: 44,0%;

**III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

**1. Tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung, xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất.**

Tiếp tục chủ trì, phối hợp với các ngành, địa phương thực hiện hiệu quả Nghị quyết 401-NQ/TU ngày 03/4/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chiến lược phát triển nông nghiệp đến năm 2030, định hướng đến năm 2035, trong đó: tập trung tham mưu ban hành các cơ chế chính sách, đề án phát triển nhóm các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc sản của tỉnh như vải thiều, cây có múi, rau chế biến, đàn lợn, đàn gà, sản phẩm theo chương trình OCOP ... theo hướng an toàn, chất lượng, công nghệ cao, đạt tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế và xuất khẩu;

Tổ chức thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách, đề án hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, nông thôn đã được ban hành; triển khai thực hiện đề

án “Xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020-2025” đã được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 1940/QĐ-UBND ngày 22/11/2019;

Đồng thời rà soát, sửa đổi, bổ sung, đề xuất các chính sách cho phù hợp với tình hình thực tế nhằm khuyến khích hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, nhất là thu hút đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chế biến; liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị; phát triển thương hiệu và mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản và các sản phẩm chủ lực của tỉnh. Tập trung tham mưu xây dựng chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và hỗ trợ sản xuất an toàn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, Đề án nâng cao chất lượng giống cây ăn quả có múi tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025, Đề án nuôi thủy sản tự động hóa tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025...

## **2. Đẩy mạnh tái cơ cấu ngành, nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh của các sản phẩm nông nghiệp.**

Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Thúc đẩy phát triển nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất hàng hóa theo hướng hiện đại, hiệu quả cao với quy mô phù hợp theo từng ngành hàng, sản phẩm và thị trường; ứng dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật để tạo chuyển biến rõ rệt về năng suất, chất lượng và hiệu quả, sức cạnh tranh và phát triển bền vững.

### **2.1. Đối với lĩnh vực trồng trọt:**

#### *- Chỉ tiêu sản xuất:*

Diện tích lúa 102.000 ha, sản lượng 591.600 tấn (trong đó lúa chất lượng 40.000 ha, sản lượng 242.000 tấn); diện tích ngô 9.800 ha, sản lượng 40.474 tấn; diện tích lạc 9.500 ha, sản lượng 24.700 tấn; Diện tích rau các loại 25.200 ha sản lượng 450.000 tấn, trong đó rau an toàn (*sản xuất theo hướng chuẩn VietGAP*) 10.500 ha, sản lượng 207.900 tấn; diện tích vải thiều 28.000 ha, sản lượng 165.000 tấn (trong đó vải theo hướng VietGAP 15.000 ha, sản lượng 110.000 tấn; vải sớm 6.000 ha, sản lượng 40.000 tấn; vải GlobalGAP 298 ha, sản lượng 2.000 tấn); diện tích cam 5.100 ha, sản lượng 50.000 tấn (trong đó cam Đường canh 2.300 ha, sản lượng 25.200 tấn); diện tích bưởi 4.950 ha, sản lượng 36.000 tấn, trong đó diện tích bưởi Diễn 2.750 ha, sản lượng 22.041 tấn.

#### *- Nhiệm vụ, giải pháp:*

Tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu trồng trọt theo hướng tập trung phát triển sản xuất các sản phẩm, cây trồng chủ lực phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, trên cơ sở tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, nhất là công nghệ cao vào sản xuất. Tiếp tục chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện tốt Kế hoạch số 211/KH-UBND ngày 30/9/2016 về đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020; hỗ trợ xây dựng các mô hình sản xuất ứng dụng

công nghệ cao theo Nghị quyết số 46/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh; các Đề án hỗ trợ sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP, Đề án sản xuất nấm ứng dụng công nghệ cao đã được UBND tỉnh phê duyệt. Chỉ đạo mở rộng diện tích sản xuất các loại cây trồng chủ lực theo hướng GAP và đảm bảo an toàn thực phẩm. Tập trung Chỉ đạo sản xuất 50 ha vải thiều đủ tiêu chuẩn xuất khẩu vào thị trường Nhật Bản...và rau chế biến, rau an toàn. Phát triển mạnh cây ăn quả, các loại rau, hoa theo hướng công nghệ cao, sạch, sản xuất hữu cơ. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, sử dụng giống mới có năng suất và chất lượng cao, thực hiện các giải pháp quy trình kỹ thuật tiên tiến, cơ giới hóa và phát triển mạnh công nghệ chế biến, bảo quản sau thu hoạch. Tăng cường công tác quản lý chất lượng giống cây trồng, phân bón, thuốc BVTV, công tác phòng chống dịch bệnh trên cây trồng để bảo vệ sản xuất.

Tiếp tục hoàn thiện phát triển các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, mô hình liên kết sản xuất có sự tham gia của doanh nghiệp, HTX. Khuyến khích thành lập các HTX, liên hiệp HTX, tổ hợp tác trong sản xuất nông nghiệp.

## **2.2. Đối với lĩnh vực chăn nuôi**

- *Chỉ tiêu sản xuất:* Tổng đàn trâu 40 nghìn con; tổng đàn bò 137,5 nghìn con; tổng đàn lợn 1,0 triệu con; tổng đàn gia cầm 18,4 triệu con, trong đó đàn gà 15,7 triệu con. Sản lượng thịt hơi các loại 219 nghìn tấn.

- *Nhiệm vụ, giải pháp:*

Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành chăn nuôi theo hướng chuyển từ chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang phát triển chăn nuôi tập trung, trang trại, gia trại, duy trì chăn nuôi nông hộ **an toàn sinh học, chăn nuôi hữu cơ**; phát triển chăn nuôi theo hướng an toàn dịch bệnh, an toàn vệ sinh thực phẩm, truy xuất nguồn gốc; khuyến khích tổ chức sản xuất chăn nuôi theo quy trình VietGAP, khép kín, liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị để cắt giảm chi phí, tăng hiệu quả kinh tế.

Phối hợp với các địa phương tập trung cao cho công tác phòng, chống dịch tả lợn châu Phi, không để dịch tái bùng phát. Hướng dẫn và chỉ đạo các địa phương thực hiện tái đàn lợn có kiểm soát ở những nơi đảm bảo an toàn sinh học, đáp ứng đủ điều kiện. Chuyển dịch cơ cấu đàn vật nuôi theo hướng tăng tỷ trọng gia cầm (trọng tâm là tăng gà lông màu, vịt đẻ trứng) và gia súc lớn, tạo sản phẩm an toàn

Tổ chức chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018-2020; Chính sách hỗ trợ chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020 đã được UBND tỉnh phê duyệt. Tăng cường công tác giám sát, phòng chống dịch bệnh; tổ chức kiểm soát, ngăn chặn buôn bán, vận chuyển trái phép gia súc, gia cầm, sản phẩm chăn nuôi trên địa bàn; đẩy mạnh kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y tại các cơ sở chăn nuôi, giết mổ; kiểm tra kiểm soát các cơ sở sản xuất kinh doanh giống vật nuôi, thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi đặc biệt là sử dụng chất cấm trong chăn nuôi,...

### **2.3. Đối với lĩnh vực thủy sản**

#### **- Chỉ tiêu sản xuất:**

Diện tích nuôi thủy sản 12.500 ha, trong đó: diện tích chuyên canh 5.800 ha; diện tích thâm canh 1.600 ha. Sản lượng thủy sản 47.500 tấn, trong đó sản lượng nuôi trồng 44.500 tấn.

#### **- Nhiệm vụ, giải pháp:**

Đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu lĩnh vực thủy sản, theo hướng cơ cấu lại giống nuôi, đưa các giống có năng suất **cao vào sản xuất**. Tập trung mở rộng diện tích nuôi thâm canh, bán thâm canh, nuôi theo hướng VietGAP để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. Thực hiện tốt việc quản lý các cơ sở sản xuất giống, tăng cường công tác bình tuyển đàn cá bố mẹ; chuyển giao công nghệ sản xuất một số giống thủy sản có giá trị kinh tế cao cho các cơ sở sinh sản nhân tạo trên địa bàn; làm tốt công tác khuyến ngư, mở rộng các vùng nuôi thâm canh ứng dụng công nghệ cao, nuôi an toàn sinh học, nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP, bảo vệ môi trường sinh thái tại các địa phương có điều kiện phù hợp. Kiểm soát chặt chẽ và không chế dịch bệnh, kịp thời cảnh báo để hạn chế rủi ro.

Tăng cường công tác kiểm tra chất lượng thức ăn thủy sản và thanh tra bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Thực hiện có hiệu quả các đề án, chính sách về hỗ trợ phát triển vùng nuôi thủy sản tập trung đạt tiêu chuẩn VietGAP và hạ tầng nuôi thủy sản trên địa bàn tỉnh.

### **2.4. Đối với lĩnh vực lâm nghiệp**

#### **- Chỉ tiêu sản xuất:**

Trồng rừng tập trung 7.200 ha, trong đó rừng phòng hộ, đặc dụng 50 ha, rừng sản xuất 7.150 ha; khoán bảo vệ rừng 31.200 ha; chăm sóc rừng trồng 16.500 ha, trong đó rừng phòng hộ, đặc dụng 357 ha, rừng sản xuất 16.143 ha; trồng cây phân tán 1,5 triệu cây; nâng tỷ lệ che phủ rừng lên 38%; sản lượng gỗ khai thác rừng trồng 660.000 m<sup>3</sup>.

#### **- Nhiệm vụ, giải pháp:**

Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, tổ chức triển khai thực hiện nghiêm các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Tổ chức thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; Kế hoạch số 30-KH/TU ngày 27/02/2017 của BTV Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW; Nghị quyết số 249-NQ/TU ngày 01/11/2017 của Ban Thường vụ tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; triển khai thực hiện tốt Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 31/01/2018 của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 249-NQ/TU, gán trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy, chính quyền đối với công tác lãnh đạo quản lý, bảo vệ, phát

triển rừng ở địa phương, nâng cao nhận thức của các cấp ủy, chính quyền địa phương, doanh nghiệp và người dân về công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; tạo sự chuyên biến mạnh mẽ về ý thức trách nhiệm, tính chủ động trong thực hiện nhiệm vụ được giao của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức.

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu lĩnh vực lâm nghiệp, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị rừng trồng sản xuất nhằm đảm bảo cung cấp phần lớn gỗ nguyên liệu cho công nghiệp chế biến gỗ, sản xuất giấy, ván nhân tạo cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Khuyến khích các doanh nghiệp, hộ gia đình liên kết đầu tư kinh phí trồng rừng thâm canh gỗ lớn; tăng cường quản lý giống cây lâm nghiệp, đưa giống mới, nâng cao tỷ lệ giống sản xuất từ công nghệ cây mô, có năng suất cao vào trồng rừng, áp dụng khoa học kỹ thuật từ khâu làm đất, xác định mật độ trồng, bón phân, chăm sóc rừng để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả rừng trồng; khuyến khích phát triển các mô hình bảo vệ, phát triển rừng kết hợp chăn nuôi và phát triển lâm sản ngoài gỗ; chuyển đổi dần cơ cấu sản phẩm từ khai thác gỗ non sang khai thác gỗ lớn; trồng cây dược liệu, cây bản địa có giá trị kinh tế cao dưới tán rừng để phát triển và bảo vệ rừng bền vững. Tăng cường quản lý việc khai thác rừng, chế biến gỗ và sử dụng đất rừng theo đúng quy định của pháp luật; giám sát chặt chẽ các hoạt động khai thác khoáng sản trong rừng tự nhiên. Quản lý chặt chẽ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn, thực hiện kế hoạch trồng rừng thay thế đối với diện tích rừng bị chuyển đổi sang mục đích khác.

Tham mưu xây dựng Đề án cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quy định về khung giá các loại rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang nhằm quản lý bảo vệ tốt diện tích rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh.

Tổ chức thực hiện tốt Phương án PCCCR: Chú trọng thực hiện các biện pháp phòng cháy; phát hiện kịp thời, tổ chức chữa cháy rừng theo phương châm 4 tại chỗ; kịp thời thông tin cảnh báo cháy rừng; huy động lực lượng, phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương dập lửa khi có cháy rừng xảy ra; đảm bảo an toàn về người và tài sản khi chữa cháy, hạn chế thấp nhất thiệt hại do cháy rừng gây ra.

### **3. Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất**

Tiếp tục tổ chức, triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 130-NQ/TU ngày 16/8/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch số 211/KH-UBND ngày 30/9/2016 của UBND tỉnh về đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2016-2020. Triển khai hỗ trợ xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo Nghị quyết số 46/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh. Thực hiện Đề án phát triển vai thiều hướng tới đạt tiêu chí sản phẩm quốc gia. Chỉ đạo mở rộng quy mô sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP...; chọn tạo các loại giống cây, con giống tốt, mang nét đặc trưng của địa phương để có thể sản xuất

các sản phẩm chất lượng cao, tiến tới xây dựng thương hiệu. Tăng cường công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, xây dựng các mô hình trình diễn giống cây trồng, vật nuôi có năng suất cao, kháng bệnh tốt và thích ứng điều kiện sản xuất, canh tác của địa phương với giá thành thấp và có thị trường tiêu thụ ổn định.

Tham mưu tổng kết thực hiện Nghị quyết số 130-NQ/TU ngày 16/8/2016 của BTV Tỉnh ủy về đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020 để tiếp tục chỉ đạo thực hiện trong thời gian tới.

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ đẩy mạnh các hoạt động ứng dụng, hướng dẫn chuyển giao khoa học công nghệ vào sản xuất, ưu tiên lĩnh vực sản xuất giống, công nghệ sau thu hoạch, công nghệ bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

#### **4. Tăng cường xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp**

Tích cực phối hợp, tham gia các Chương trình xúc tiến thương mại của Bộ Nông nghiệp và PTNT; đồng thời phối hợp tốt với các ngành có liên quan ở tỉnh thực hiện tốt Kế hoạch số 1062/KH-UBND ngày 07/7/2016 của UBND tỉnh về xúc tiến thương mại tỉnh giai đoạn 2016-2020 và Quyết định số 1971/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của UBND tỉnh Bắc Giang về Chiến lược xuất khẩu hàng hóa tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020;

Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ triển khai Đề án phát triển sản phẩm vải thiều hướng tới đạt tiêu chí sản phẩm quốc gia; đồng thời chỉ đạo, giám sát vùng trồng vải thiều đạt tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP để có sản phẩm đảm bảo tiêu chuẩn xuất khẩu sang thị trường Mỹ, Nhật, EU, Úc, ...

Chủ trì, phối hợp Sở Công thương, Sở Khoa học và Công nghệ, UBND huyện Lục Ngạn xây dựng, triển khai Kế hoạch sản xuất gắn với tiêu thụ 50 ha vải thiều đạt tiêu chuẩn xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản năm 2020; tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 3110/KH-UBND ngày 28/10/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh về xúc tiến xuất khẩu vải thiều năm 2015 và những năm tiếp theo; Đề án xây dựng và phát triển nông sản hàng hóa đạt tiêu chí cấp tỉnh, giai đoạn 2019 - 2021; Đề án hỗ trợ phát triển thương hiệu các sản phẩm nông sản chủ lực cấp tỉnh; đẩy mạnh tuyên truyền, quảng bá các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực của tỉnh đến các chợ, siêu thị tại các khu đô thị, khu công nghiệp và các tỉnh, thành trên cả nước để mở rộng thị trường tiêu thụ.

#### **5. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành; quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và vệ sinh ATTP**

Tiếp tục triển khai có hiệu quả các Nghị quyết, chỉ thị như: Nghị quyết số 43/2017/QH14, Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 09/5/2016 về tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm. Tăng cường công tác kiểm tra,

kiểm soát, thanh tra vật tư nông nghiệp, giống cây trồng, vật nuôi, công tác kiểm dịch thú y, kiểm dịch thực vật; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi sử dụng hóa chất không đúng quy định trong sản xuất nông nghiệp, các hành vi vận chuyển, buôn bán gia súc, gia cầm nhiễm bệnh, mang mầm bệnh, giết mổ trái phép trên địa bàn; công bố công khai những tổ chức và cá nhân vi phạm trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Tham mưu, xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành nông nghiệp.

Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản. Triển khai các chương trình giám sát ATTP, đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy định kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện ATVSTP. Trong đó tập trung vào kiểm tra các nhóm sản phẩm đang gây bức xúc về chất lượng, ATTP, tạo chuyển biến rõ nét đối với công tác này trong năm 2020.

## **6. Tập trung thực hiện tốt công tác phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới, nâng cao thu nhập, đời sống cho dân cư nông thôn**

*- Chỉ tiêu kế hoạch giao:*

Số tiêu chí nông thôn mới bình quân toàn tỉnh đạt được/xã là 16,2 tiêu chí (tăng 0,4 tiêu chí so với năm 2019); phấn đấu số xã đạt chuẩn nông thôn mới trong năm 2020 là 23 xã ([luỹ kế đến hết năm 2020 phấn đấu có 137 xã đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới - chiếm 74,5% so với tổng số xã sau sáp nhập](#)); Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho xây dựng nông thôn mới, tập trung hoàn thành các tiêu chí để huyện Tân Yên đạt huyện nông thôn mới vào năm 2020; tỷ lệ dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 98%.

*- Nhiệm vụ, giải pháp:*

Tiếp tục thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 và Quyết định số 1960/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động về xây dựng nông thôn mới; duy trì chuyên trang về xây dựng nông thôn mới, nghiên cứu lập trang thông tin điện tử về nông thôn mới; thực hiện hiệu quả thiết thực phong trào thi đua “Bắc Giang chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2016-2020 và các phong trào thi đua, cuộc vận động của ngành phát động; mỗi đơn vị tiếp tục đăng ký 01 nội dung gắn với xây dựng nông thôn mới; nhân rộng một số mô hình mới tạo sự lan tỏa trong nhân dân. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện Chương trình, nhất là về chất lượng công tác thẩm định, xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới. Xử lý dứt điểm và chấm dứt tình trạng phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh. Xây dựng báo cáo tổng kết



thực hiện Nghị quyết số 145-NQ/TU ngày 14/7/2011 của Tỉnh ủy về xây dựng nông thôn mới.

Đẩy mạnh thực hiện các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất tiêu thụ nông sản, phát triển sản xuất theo hướng liên kết chặt chẽ giữa hộ nông dân, tổ hợp tác, hợp tác xã với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ để giảm chi phí, nâng cao chất lượng và hiệu quả. Tiếp tục hướng dẫn tổ chức lại hoạt động của HTX nông nghiệp theo Luật HTX năm 2012; đẩy mạnh đào tạo, tập huấn chuyên môn nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ quản lý của các HTX nông nghiệp.

Tiếp tục mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo các ngành, nghề cho người dân nông thôn theo Nghị định 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 về phát triển ngành nghề nông thôn và Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao năng xuất lao động, thu nhập cho nông dân. Phát triển và tiêu chuẩn hóa tối thiểu 30 sản phẩm mới tham gia Chương trình OCOP đạt từ 3 sao trở lên; đồng thời duy trì, củng cố và nâng cấp 46 sản phẩm đã được công nhận sản phẩm OCOP đạt 3-4 sao. Phối hợp hỗ trợ các làng nghề, hộ gia đình, hợp tác xã, doanh nghiệp xây dựng và nhân rộng mô hình sản xuất các sản phẩm thủ công truyền thống theo hướng hiện đại có sức cạnh tranh; có hướng xử lý ô nhiễm môi trường ở các làng nghề gần khu dân cư tập trung.

## **7. Nâng cao hiệu quả quản lý các công trình thủy lợi, chủ động phòng chống, giảm nhẹ thiên tai**

*- Chỉ tiêu kế hoạch giao:*

Tưới cho 154.477 ha, trong đó lúa Đông Xuân 48.500 ha; lúa mùa 52.900 ha; rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày 49.000 ha; cây ăn quả, cây công nghiệp lâu năm 4.077 ha. Tiêu cho diện tích 136.735 ha.

*- Nhiệm vụ, giải pháp:*

Đẩy mạnh tái cơ cấu lĩnh vực thủy lợi, trọng tâm là nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi, đảm bảo nhu cầu cung cấp nước cho thâm canh cây trồng, nuôi trồng thủy sản, công nghiệp và phục vụ đời sống dân cư; đẩy mạnh áp dụng kỹ thuật tưới tiết kiệm ở nơi có điều kiện tạo ra đột phá về năng suất chất lượng đối với cây trồng cạn.

Chỉ đạo các địa phương, các Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khai thác công trình thủy lợi của tỉnh chủ động xây dựng phương án đảm bảo an toàn công trình đê điều, hồ đập, tham mưu xử lý kịp thời các tình huống thiên tai xảy ra; thường xuyên theo dõi diễn biến của thời tiết và căn cứ vào tình hình nguồn nước tại các hồ chứa trên địa bàn tỉnh để có kế hoạch chống hạn, chống úng, kế hoạch tưới, tiêu tiết kiệm và hiệu quả;

Tăng cường công tác kiểm tra phát hiện các sự cố về đê điều, đề xuất các phương án phòng tránh, xử lý khắc phục sự cố; tổ chức trực ban 24/24 giờ, theo dõi, cập nhật về tình hình mưa, bão, lũ, lốc, các thiên tai khác và đề xuất kịp thời

với Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của tỉnh phương án xử lý sự cố các công trình thủy lợi, đê điều và xử lý tình huống, khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra, đảm bảo sản xuất, đời sống và tính mạng của nhân dân. Tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước, phối hợp chặt chẽ với UBND các huyện, thành phố xử lý dứt điểm đối với các vụ vi phạm về đê điều và PCLB, các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

Tập trung chỉ đạo thi công các dự án nâng cấp hồ đập, đê điều theo đúng kế hoạch và đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ theo quy định.

### **8. Tăng cường quản lý, nâng cao chất lượng công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, thu hút đầu tư**

Triển khai thực hiện nghiêm Luật Đầu tư Công số 49/2014/QH13; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và các quy định hiện hành về quản lý đầu tư công, quản lý dự án đầu tư xây dựng của Trung ương và của tỉnh. Tập trung chỉ đạo thực hiện các dự án thuộc ngành đảm bảo chất lượng, tiến độ và an toàn tuyệt đối, sớm phát huy hiệu quả đầu tư. Nâng cao chất lượng công tác quản lý đầu tư xây dựng, việc giao chủ đầu tư cho các đơn vị không đủ điều kiện về năng lực, nâng cao chất lượng công tác tư vấn, công tác đấu thầu; tiếp tục siết chặt xử lý nợ đọng XDCCB; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm liên quan đến hoạt động đầu tư XDCCB.

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND các huyện, thành phố hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2019 của Chính phủ và Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019; phát triển các hình thức đầu tư có sự tham gia của Nhà nước và tư nhân theo Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 về đầu tư theo hình thức đối tác công tư, để huy động nguồn lực xã hội cho phát triển nông nghiệp, nông thôn. Tập trung kêu gọi, thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 1062/QĐ-UBND ngày 07/7/2016 của UBND tỉnh, ưu tiên các dự án sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, chế biến, bảo quản nông sản sau thu hoạch.

### **9. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; nghiêm túc thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Luật Phòng chống tham nhũng; nâng cao chất lượng giải quyết khiếu nại tố cáo**

Tiếp tục đổi mới công tác chỉ đạo điều hành, tham mưu, đề xuất đơn giản hóa các thủ tục hành chính, cập nhật kịp thời triển khai các nhiệm vụ về cải cách, kiểm soát thủ tục hành chính mới; kịp thời công bố, công khai các TTHC mới ban hành; sửa đổi, bổ sung; bãi bỏ hoặc hủy bỏ trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, Cổng thông tin điện tử của Sở và nơi tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính. Nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế

một cửa, một cửa liên thông tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong tiếp cận các dịch vụ công thuộc ngành.

Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ được giao, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong thực thi công vụ; nâng cao ý thức trách nhiệm, tinh thần phục vụ nhân dân của cán bộ, công chức, viên chức trong toàn ngành. Đổi mới phương thức, lề lối làm việc.

Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong giải quyết khiếu nại tố cáo và phòng chống tham nhũng. Giải quyết kịp thời, dứt điểm các vụ khiếu nại, tố cáo, các vụ việc, mẫu thuẫn mới phát sinh ngay tại cơ sở. Nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức và ý thức, nhận thức của công dân trong việc giải quyết KNTC và thực hiện các quy định về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo. Chỉ đạo các đơn vị trong ngành giải quyết các vụ việc mới phát sinh ở cơ sở, cần làm rõ thắc mắc của người dân và giải quyết ngay theo đúng các quy định của pháp luật. Triển khai đồng bộ các giải pháp phòng, chống tham nhũng, nhất là tập trung thực hiện Nghị quyết số 82/NQ-CP ngày 06/02/2014 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 21-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Chú trọng thực hiện các giải pháp phòng ngừa tham nhũng.

Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra các đơn vị trong ngành để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực thuộc ngành quản lý, thực hiện tốt chủ trương tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế; sắp xếp, tổ chức bộ máy trong ngành tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đẩy mạnh thực hiện tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành quản lý.

#### **10. Thực hiện tốt công tác thông tin tuyên truyền, thi đua, khen thưởng**

Tăng cường công khai, minh bạch và cung cấp thông tin về các vấn đề của ngành được xã hội quan tâm để tạo sự đồng thuận và quyết tâm cao trong triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2020.

Kịp thời đánh giá, tổng kết và phản ánh trung thực hoạt động của ngành; phát hiện, phê bình và ngăn chặn kịp thời những hiện tượng tiêu cực, sách nhiễu; biểu dương những gương người tốt, việc làm hay để nhân rộng trong ngành, đưa phong trào thi đua trở thành động lực thúc đẩy hoàn thành nhiệm vụ chính trị của toàn ngành.

### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Sở theo chức năng, nhiệm vụ được phân công; căn cứ Kế hoạch này ***xây dựng kế hoạch cụ thể của đơn vị mình***, trong đó xác định rõ từng mục tiêu, nhiệm vụ, thời gian và phân công người chịu trách nhiệm. Kế hoạch của các đơn vị gửi Giám đốc và các Phó Giám đốc Sở, đồng thời gửi về phòng KH-TC Sở **trước ngày 25/2/2020** để theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tiến độ thực hiện.

Định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng và cả năm các đơn vị báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch này trong đó nêu rõ việc đã hoàn thành, việc chưa hoàn thành, nguyên nhân và dự kiến các giải pháp thực hiện tiếp theo, báo cáo gửi về Sở (qua phòng Kế hoạch-Tài chính; Văn phòng Sở qua đường công văn và qua thư điện tử: *khtc\_snnptnt@bacgiang.gov.vn* và *so\_nnptnt\_vt@bacgiang.gov.vn* trước ngày 20 đối với báo cáo tháng và trước ngày 20 của tháng cuối quý đối với báo cáo quý và trước ngày 20/12 đối với báo cáo năm để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh theo quy định. Kết quả thực hiện sẽ được xem là một tiêu chí đánh giá người đứng đầu tại các đơn vị.

Giao phòng Kế hoạch - Tài chính chủ trì, phối hợp với Văn phòng Sở, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp đánh giá kết quả thực hiện báo cáo Giám đốc Sở, UBND tỉnh và Bộ NN&PTNT theo quy định./.

*(Kèm theo Biểu phân công một số nhiệm vụ chủ yếu)*

**Nơi nhận:**

- Lưu: VT, KHTC.

**Bản điện tử:**

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- PCT UBND tỉnh Nguyễn Thị Thu Hà (b/c);
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở (t/h).

**GIÁM ĐỐC**

**Dương Thanh Tùng**